

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **02/2025/HNGĐ-ST**
Ngày 20/01/2025
V/v “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Đức

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Lan; Bà Trịnh Thị Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhị - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 20/01/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 438/2024/TLST-HNGĐ, ngày 01/11/2024, về việc “*Kiên ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/12/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2025/QĐST-HNGĐ ngày 07/01/2025, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh L, sinh năm 1991

Nơi cư trú: Số y đường H, tổ dân phố z, phường X, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

Chỗ ở hiện nay: Số n đường K, phường X, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Nhất Th, sinh năm: 1990

Nơi cư trú: Thôn Ch, xã B, huyện P, tỉnh Đắk Lắk;

Địa chỉ liên lạc: số m đường V, phường l, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

(Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

*** Ý kiến của nguyên đơn - Chị Nguyễn Thị Thanh L:**

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Nguyễn Văn Nhất Th yêu nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa

phương và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện P tỉnh Đắk Lắk vào ngày 21/09/2015. Sau kết hôn chúng tôi chung sống tại đường L, xã E (nhà nay đã bán), sau đó thuê nhà ở; Hiện nay tôi đang ở phường X, thành phố B. Trong quá trình chung sống từ năm 2021 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2024 cho đến nay.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài. Nguyên vọng của tôi xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn Nhất Th.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chúng tôi có một con chung là cháu Nguyễn Ngọc Bảo Th sinh ngày 24/8/2016. Nguyên vọng của tôi là được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung cháu Nguyễn Ngọc Bảo Th, sinh ngày 24/8/2016 đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

*** Ý kiến của bị đơn - Anh Nguyễn Văn Nhất Th:**

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và chị Nguyễn Thị Thanh L yêu nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện P, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 21/09/2015. Sau kết hôn chúng tôi chung sống tại đường L, xã E (nhà nay đã bán), sau đó thuê nhà ở; Hiện nay chúng tôi vẫn đang ở chung nhà thuê. Trong quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì, đến năm 2021 do ảnh hưởng của dịch bệnh nên đã ảnh hưởng đến kinh tế của gia đình và tình cảm của vợ chồng. Hiện nay tôi làm việc tại thành phố L, tỉnh Lâm Đồng, tôi đi làm và ở tại Lâm Đồng chứ chúng tôi không sống ly thân.

Nay chị L có đơn xin ly hôn thì nguyên vọng của tôi là không đồng ý ly hôn, vì con chúng tôi còn nhỏ, tôi muốn con lớn lên trong gia đình có đầy đủ bố và mẹ. Trong trường hợp chị L cương quyết ly hôn và Tòa án xử ly hôn thì tôi có nguyên vọng xin được nuôi con chung.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chúng tôi có một con chung là cháu Nguyễn Ngọc Bảo Th, sinh ngày 24/8/2016. Nguyên vọng tôi là được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung cháu Nguyễn Ngọc Bảo Th, sinh ngày 24/8/2016 đến khi cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trường hợp chị L nhận nuôi con mà cam kết nếu chị L đi bước nữa sẽ giao con cho tôi nuôi thì tôi đồng ý ly hôn với chị L và giao cháu Th cho chị L nuôi (không tranh chấp gì nữa).

Về tài sản chung và công nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án; xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; việc thu thập chứng cứ, trình tự giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS); Trong quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Qua các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về hôn nhân: **Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn** - Chị Nguyễn Thị Thanh L, cho chị Nguyễn Thị Thanh L được ly hôn với anh Nguyễn Văn Nhất Th.

Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Ngọc Bảo Th, sinh ngày 24/8/2016 cho chị Nguyễn Thị Thanh L chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ hồ sơ vụ án, nội dung khởi kiện của nguyên đơn - Chị Nguyễn Thị Thanh L là tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn và nuôi con, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn - Chị Nguyễn Thị Thanh L và bị đơn - Anh Nguyễn Văn Nhất Th đều có đơn xin xét xử vắng mặt; Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh L và anh Nguyễn Văn Nhất Th có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện P, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 21/09/2015, là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Chị L xác định: Trong quá trình chung sống vợ chồng từ năm 2021 chị L và anh Th bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2024 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc

sống hôn nhân không thể kéo dài nên chị L cương quyết ly hôn và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho chị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn Nhất Th.

Về phía anh Th xác định: Không đồng ý ly hôn, vì con còn nhỏ, anh Th muốn con lớn lên trong gia đình có đầy đủ bố và mẹ. Tuy nhiên nếu chị L cương quyết ly hôn và Tòa án xử ly hôn thì anh Th có nguyện vọng xin được nuôi con chung là cháu Th; Trường hợp chị L ký cam kết nếu sau ly hôn chị L đi bước nữa sẽ giao con cho anh Th nuôi thì anh Th đồng ý ly hôn với chị L và giao cháu Th cho chị L nuôi.

Theo biên bản xác minh tại địa phương nơi chị L ở thể hiện: Chị L thuê nhà và sống tại số x đường K, phường X, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk cùng con là cháu Th; anh Th không sinh sống tại địa phương.

HĐXX xét thấy: Hiện nay mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh Th là trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân, không thể hàn gắn, đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó chị L giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Th là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[3.2] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Th, chị L xác định có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Bảo Th, sinh ngày 24/8/2016. HĐXX xét thấy:

- Về chỗ ở và thu nhập: Quá trình giải quyết vụ án chị L đã cung cấp được các tài liệu, chứng cứ đủ căn cứ xác định chị L có thu nhập và có nơi ở ổn định, cháu Th đang ở cùng với chị L, được địa phương xác nhận; Còn anh Th chỉ cung cấp cho Tòa án tài liệu về thu nhập, mà không chứng minh được nơi ở ổn định.

- Về thời gian, điều kiện chăm sóc, giáo dục con, HĐXX xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án chị L đã cung cấp được các tài liệu, chứng cứ thể hiện chị L có nộp chi phí học tập cho con, hiện đang ở cùng con và có thời gian, điều kiện chăm sóc, giáo dục con tốt. Về phía cháu Th, hiện nay cháu đang ở và có nguyện vọng tiếp tục được ở cùng với mẹ là chị L nên cần xem xét nguyện vọng và tôn trọng ý kiến của cháu. Về phía anh Th có công việc ở xa nên thời gian, điều kiện chăm sóc, giáo dục con không thuận lợi, ổn định như chị L.

Từ những nhận định nêu trên, HĐXX xét thấy: Để đảm bảo sự ổn định về tâm sinh lý, về nơi ở, môi trường sống, nơi học hành... để cháu Nguyễn Ngọc Bảo Th, sinh ngày 24/8/2016 được chăm sóc, nuôi dưỡng tốt nhất và phát triển đầy đủ cả thể chất lẫn tinh thần thì cần giao cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; Anh Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom và có thể tự nguyện chu cấp cho con chung.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập xem xét, giải quyết

[3.4] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết.

[3.4] Về nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn - Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

[5] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tại phiên tòa là có căn cứ và đúng pháp luật nên HĐXX cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 220; khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82, Điều 83 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng: Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Chị Nguyễn Thị Thanh L về ly hôn, nuôi con chung;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh L được ly hôn với anh Nguyễn Văn Nhất Th;

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung là Nguyễn Ngọc Bảo Th, sinh ngày 24/8/2016 cho chị Nguyễn Thị Thanh L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi);

Anh Nguyễn Văn Nhất Th được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở. Tuy nhiên, anh Nguyễn Văn Nhất Th không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh L phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về Hôn nhân và gia đình, được khấu trừ trong số

tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2023/0006190 ngày 31/10/2024.

Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND H. Krông Pắc;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Chi cục THA DS TP. BMT;
- UBND xã B, huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu: HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký, đóng dấu)

Vũ Văn Đức